

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 915/2019/DS-KDTM
Ngày: 29/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Cao Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hà Nguyễn Minh Nam**

Bà Phan Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà – Thư ký Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Tăng Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 236/2019/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A

Trụ sở công ty: Lô A-KCN LT, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thanh T

Nơi cư trú: 394 K, Phường Q, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 01/AG-UQ/2019 ngày 02/4/2019) có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Quốc tế B

Trụ sở công ty: 81 L, Phường B, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Thái Thị Mỹ L, sinh năm 1980

Nơi cư trú: 440/46D NK, Phường B, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh
(Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/02/2019 và các lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày:*

Ngày 01/08/2017 Công ty Cổ Phần A (sau đây gọi là Công ty A) và Công ty Cổ Phần Quốc Tế B (Sau đây gọi là Công ty B) có ký kết hợp đồng kinh tế số 2017/HĐMB về việc mua bán hàng hóa nhưng đến nay công ty B chưa thanh toán hết tiền hàng cho Công ty A cụ thể như sau:

Công ty A đồng ý bán cho Công ty B các sản phẩm do “Bên A nhập khẩu (hoặc sản xuất) và phân phối tại thị trường Việt Nam” như Bình sữa, núm vú, khăn ướt ..., phương thức và thời hạn thanh toán “thanh toán theo từng đơn hàng, thời gian thanh toán là 45 ngày kể từ ngày bên A giao hàng cho bên B”.

Từ ngày 07/08/2017 Công ty A nhận đơn đặt hàng đầu tiên và đến ngày 23/04/2018 nhận đơn đặt hàng cuối, tổng cộng 28 đơn đặt hàng. Công ty A đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ mà mình đã cam kết, cụ thể: Từ ngày 09/07/2017 cho đến ngày 24/04/2018 Công ty A đã giao đầy đủ 28 đơn hàng cho Công ty B bao gồm các mặt hàng sau: Bình sữa, núm vú, nước rơ lưỡi, nước rửa bình sữa, khăn ướt, sữa tắm, nước giặt xả với tổng số tiền hàng là 481,147,305 đồng (*bốn trăm tám mươi một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm lẻ năm đồng*) và Công ty B đã thanh toán được 237,440,259 (*hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi nghìn hai trăm năm mươi chín đồng*). Như vậy, số tiền Công ty B chưa thanh toán cho Công ty A là 243.707.046 đồng (*hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng*).

Ngày 21/03/2018, Công ty A đã liên hệ và gửi email về việc yêu cầu thanh toán tiền hàng đến Công ty B và ngày 16/04/2018 nhận được phản hồi là đồng ý thanh toán.

Cụ thể Công ty B đã thông báo với Công ty A về lộ trình và phương thức thanh toán nợ như sau: Bắt đầu từ tháng 05/2018, mỗi tuần thanh toán một lần với số tiền là 15 triệu đồng vào các ngày thứ 6 hàng tuần cho đến khi đủ số tiền hàng và hết số tiền nợ. Và lần cuối cùng ngày 26/07/2018, Công ty A đã nhận được phản hồi về việc thanh toán từ Bà Thái Thị Thùy L như sau: “Hiện tại nếu thanh toán hết thì sẽ rất khó cho cash bên chị. Bên chị chia ra 5 đợt, mỗi đợt 50 triệu/tháng, bắt đầu từ tháng 8, 2 lần/tuần”. Nhưng sau đó Công ty A vẫn không nhận được việc thanh toán theo cam kết của Công ty B; Công ty A đã gửi mail nhắc nhở nhiều lần cụ thể: Ngày 11/05/2018; ngày 15/05/2018 ; ngày 14/07/2018; ngày 16/07/2018; ngày 26/07/2018; ngày 27/07/2018.

Sự chậm trễ thanh toán của công ty B đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích pháp của Công ty A. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải trả cho Công ty A

số tiền nợ gốc là 243.707.046 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng) và lãi suất chậm trả. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Công ty Cổ phần Quốc tế B, đại diện theo pháp luật bà Thái Thị Mỹ L, sinh năm 1980 đã được Tòa án tiến hành xác minh, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để lấy lời khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Công ty Cổ phần Quốc tế B, đại diện theo pháp luật bà Thái Thị Mỹ L vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Xét hợp đồng kinh tế số 2017/HĐMB, bảng kê chi tiết lịch sử thanh toán của bị đơn, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi suất chậm trả. Căn cứ Điều 74, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện, Công ty Cổ Phần A Việt Nam khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Quốc tế B đây là quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

Theo kết quả xác minh tại Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ Phần B Việt Nam có địa chỉ trụ sở chính số 81 L, Phường B, quận PN,

Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật của công ty bà Thái Thị Mỹ L, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 440/46D NK, Phường B, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng thực tế Công ty B không còn treo bảng công ty tại số 81 L, Phường B, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh mặt khác người đại diện theo pháp luật bà Thái Thị Mỹ L không cư ngụ tại địa phương, hiện bà L đi đâu không rõ, không báo với cơ quan chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 12/11/2019, phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 29/11/2019 cho Công ty B, bà L nhưng Công ty B, bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền nợ gốc là 243.707.046 đồng (*hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng*) và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định pháp luật. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

+ Xét về nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như hợp đồng kinh tế số 2017/HĐMB ngày 01/8/2017, số tên hàng, mã số hóa đơn, số tiền là có cơ sở xác nhận Công ty B còn chưa thanh toán hết tiền hàng cho Công ty A nên Hội đồng xét xử có cơ chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

+ Xét về tiền lãi do chậm thanh toán:

Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty B đã chậm thanh toán tiền hàng nên phải có trách nhiệm trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ mức lãi suất do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp cho Tòa án thì mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 4.3%/năm. Do đó, tiền lãi do chậm thanh toán được tính như sau:

Ngày hóa đơn	Số HĐ	Diễn giải	Số tiền còn nợ	Ngày đáo hạn	Số ngày quá hạn	Lãi suất quá hạn tính theo lãi suất tiền gửi 1 tháng bình quân 3 ngân hàng	Số tiền lãi (tính theo 1 năm có 365 ngày)
--------------	-------	-----------	----------------	--------------	-----------------	--	---

						4.3%/năm	
05/12/2017	0001270	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	7,010,175	20/01/2018	678	4.3%	559,931
05/12/2017	0001271	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	1,686,307	20/01/2018	678	4.3%	134,692
19/12/2017	0001149	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by B	5,716,635	02/02/2018	665	4.3%	447,855
19/12/2017	0001150	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by B	2,927,313	02/02/2018	665	4.3%	229,333
26/12/2017	0001625	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	11,655,936	09/02/2018	658	4.3%	903,543
26/12/2017	0001626	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	6,994,138	09/02/2018	658	4.3%	542,170
03/01/2018	0002141	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	17,966,059	17/02/2018	650	4.3%	1,375,757
03/01/2018	0002142	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	3,243,400	17/02/2018	650	4.3%	248,364
09/01/2018	0002595	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	10,971,188	23/02/2018	644	4.3%	832,368
09/01/2018	0002596	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	6,505,783	23/02/2018	644	4.3%	493,584
30/01/2018	0004316	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	7,815,387	16/03/2018	623	4.3%	573,607
06/02/2018	0004849	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by B HCM	26,708,538	23/03/2018	616	4.3%	1,938,235
13/03/2018	0007110	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	19,004,825	27/04/2018	581	4.3%	1,300,815
22/03/2018	0008235	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B (Thay HD 6036, ngày 3/3/18)	11,434,015	06/05/2018	572	4.3%	770,496
22/03/2018	0008236	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B (Thay HD 7994, ngày 21/3/18)	14,170,769	05/05/2018	573	4.3%	956,585
03/04/2018	0009254	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by Siêu thị B	59,434,423	18/05/2018	560	4.3%	3,921,044
04/05/2018	0011493	Bán hàng chưa thu tiền/Selling by B HCM (Thay thẻ hđ 10854, ngày 24/4/2018)	30,462,155	18/06/2018	529	4.3%	1,898,418
		Tổng	243,707,046				17,126,796

Tổng cộng là 17.126.796 đồng.

Như vậy, số tiền lãi do chậm thanh toán mà Công ty B còn phải thanh toán cho Công ty A tính đến ngày 29/11/2019 tổng cộng là $(243,707,046 + 17.126.796) = 260.833.842$ đồng.

Do đó, yêu cầu về tiền lãi do chậm thanh toán của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/4/2016 và nguyên đơn cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình tránh né thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi suất chậm trả là có căn cứ chấp nhận.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ vào Điều 24, Điều 306 Luật Thương mại có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006.

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ Phần A Việt Nam:

Buộc Công ty Cổ phần Quốc tế B phải có trách nhiệm thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 29/11/2019 tổng cộng là 260.833.842 (*hai trăm sáu mươi triệu tám trăm ba mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi hai*) đồng, trong đó: nợ gốc là 243,707,046 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 17.126.796 đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Công ty Cổ phần Quốc tế B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 13.042.000 (*Mười ba triệu không trăm bốn mươi hai ngàn*) đồng.

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 6.093.000 (sáu triệu không trăm chín mươi ba ngàn) đồng cho Công ty Cổ Phần A theo biên lai số 0041613 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ Phần A có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu Công ty Cổ phần Quốc tế B chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, ghi rõ họ tên)